

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THANH SƠN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THANH SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH SON SERVICES AND TRADING DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THANH SON PEPSI., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108849945

**3. Ngày thành lập:** 31/07/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2, ngõ 80 đường Quang Tiến, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất chè                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1076        |
| 2.  | Sản xuất cà phê                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1077        |
| 3.  | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1101        |
| 4.  | Sản xuất rượu vang                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1102        |
| 5.  | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1103        |
| 6.  | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1104        |
| 7.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa;                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610        |
| 8.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ động vật hoang dã)                                                                                                                                                                                                                           | 4620        |
| 9.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4631        |
| 10. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4632        |
| 11. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4633(Chính) |
| 12. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4641        |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, hàng gốm, sứ, thủy tinh, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, dụng cụ thể dục, thể thao. | 4649        |
| 14. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4651        |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4652        |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4653        |

|     |                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, cao su;<br>- Kinh doanh hóa chất (trừ các loại hóa chất Nhà nước cấm)                                            | 4669 |
| 18. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                             | 4690 |
| 19. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa<br>hàng tiện lợi (Minimarket) | 4711 |
| 20. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                        | 4721 |
| 21. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                         | 4722 |
| 22. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                           | 4723 |
| 23. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn<br>thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4741 |
| 24. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                | 4742 |
| 25. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa<br>hàng chuyên doanh                                                                                                                                       | 4751 |
| 26. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn<br>trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                           | 4753 |
| 27. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng<br>chuyên doanh                                                                                                                                            | 4763 |
| 28. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                 | 4764 |
| 29. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các<br>cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                      | 4771 |
| 30. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu<br>động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ                                                                                    | 4781 |
| 31. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                       | 4791 |
| 32. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                     | 4933 |
| 33. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                | 7310 |
| 34. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                | 8230 |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được<br>phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá;<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                   | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                           | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN XUÂN SƠN   | Số 2, ngõ 80 đường Quang Tiến, tổ dân phố An Thái, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 4.800.000.000         | 60,000    | B4195477                                                                                                                                          |         |
| 2   | NGUYỄN HOÀNG ANH  | Số 2, ngõ 80 đường Quang Tiến, tổ dân phố An Thái, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 800.000.000           | 10,000    | 013523351                                                                                                                                         |         |
| 3   | NGUYỄN THAO GIANG | Số 2, ngõ 80 đường Quang Tiến, tổ dân phố An Thái, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 800.000.000           | 10,000    | 012927133                                                                                                                                         |         |
| 4   | NGUYỄN THỊ THANH  | Số 2, ngõ 80 đường Quang Tiến, tổ dân phố An Thái, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.600.000.000         | 20,000    | 012790353                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/04/1962

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B4195477

Ngày cấp: 18/06/2010

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2, ngõ 80 đường Quang Tiến, tổ dân phố An Thái, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 2, ngõ 80 đường Quang Tiến, tổ dân phố An Thái, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội